

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ thu chi ngân sách và phương án
phân bổ ngân sách năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỒ
KHOÁ XI - KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách thị xã năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã tại Báo cáo số 257/BC-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách thị xã năm 2021 với các nội dung như sau:

I. Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 285.250 triệu đồng

Trong đó:

- Thu từ xí nghiệp quốc doanh: 50 triệu đồng
- Thu thuế ngoài quốc doanh: 59.920 triệu đồng
- Phí - Lệ phí: 6.450 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 250 triệu đồng
- Tiền cho thuê đất: 1.000 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 6.800 triệu đồng
- Lệ phí trước bạ: 13.000 triệu đồng
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 1.000 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 183.000 triệu đồng
- Thu khác ngân sách: 11.780 triệu đồng
- Các khoản thu khác tại xã, phường: 2.000 triệu đồng

II. Nhiệm vụ thu ngân sách của các xã, phường và đơn vị:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Địa phương, đơn vị	Dự toán thu năm 2021
----	--------------------	----------------------

1	Phổ Châu	1.075
2	Phổ Thạnh	1.739
3	Phổ Khánh	707
4	Phổ Cường	901
5	Phổ Hòa	750
6	Phổ Vinh	397
7	Phổ Minh	459
8	Nguyễn Nghiêm	5.665
9	Phổ Ninh	1.640
10	Phổ Nhơn	271
11	Phổ Phong	678
12	Phổ Thuận	878
13	Phổ Văn	1.190
14	Phổ An	440
15	Phổ Quang	673
16	Các đơn vị khác	267.787
	Tổng cộng	285.250

III. Thu ngân sách thị xã (bao gồm ngân sách cấp thị xã và ngân sách cấp xã, phường): 625.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Các khoản thu 100%:	141.000 triệu đồng.
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %:	53.349 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh:	418.328 triệu đồng.
- Thu bổ sung mục tiêu ngân sách tỉnh:	4.997 triệu đồng.
- Nguồn cải cách tiền lương và tăng thu ngân sách Thị xã bổ sung chi ngân sách:	7.326 triệu đồng

IV. Tổng chi ngân sách:

625.000 triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	625.000
I	Chi đầu tư phát triển	147.980
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	147.980
2	Chi mua sắm trang thiết bị	0
II	Chi thường xuyên	459.523

1	Chi quốc phòng	2.953
2	Chi an ninh	5.752
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	209.853
4	Chi y tế	0
5	Chi khoa học công nghệ	0
6	Chi văn hoá thông tin	4.537
7	Chi phát thanh, truyền hình	2.334
8	Chi thể dục thể thao	1.360
9	Chi đảm bảo xã hội	47.356
10	Chi sự nghiệp kinh tế	84.863
11	Chi sự nghiệp môi trường, đô thị	4.681
12	Chi quản lý hành chính	88.361
13	Chi thường xuyên khác	7.474
III	Dự phòng (đối với dự toán)	12.500
IV	Chi nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên	4.997

V. Phương án phân bổ chi ngân sách thị xã: 625.000 triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán (Triệu đồng)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	625.000
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ	501.326
A.1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	125.500
1	Nguồn vốn đầu tư XDCB theo phân cấp từ ngân sách tỉnh	26.500
2	Nguồn thu từ quỹ đất	74.000
3	Nguồn vốn cân đối ngân sách thị xã	25.000
A.2	CHI THƯỜNG XUYÊN	364.731
I	Chi quản lý hành chính	15.896
1	Văn phòng thị xã (hành chính)	7.869
a	Kinh phí hành chính (UBND) (trong đó mua sắm hệ thống âm thanh 300 triệu đồng)	2.873
b	Kinh phí hành chính(kể cả KP hoạt động Kho lưu trữ) (Cơ quan Tổ chức - Nội vụ)	823
c	Kinh phí phục vụ công tác tiếp dân: 70 triệu đồng; KP Ban tự vệ cơ quan: 15 triệu đồng	85
d	Kinh phí duy trì hoạt động trang tin điện tử của thị xã	90
đ	Chi hoạt động của UBND thị xã	1.500
e	Chi hoạt động của Thường trực HĐND và hai Ban	698

f	Chi hoạt động HĐND thị xã	750
g	Chi mua báo Người Đại biểu nhân dân (cấp thị xã)	88
h	Chi sinh hoạt phí HĐND thị xã	257
i	Kinh phí hoạt động Trung tâm hành chính công	150
k	Kinh phí chi kiểm soát thủ tục hành chính cấp thị xã	115
l	Kinh phí học tập kinh nghiệm về việc phát triển xây dựng đô thị và nông thôn mới (kể cả học tập ở nước ngoài)	300
m	Kinh phí họp mặt cán bộ lãnh đạo của thị xã qua các thời kỳ, thăm các gia đình chính sách, các cơ quan, đơn vị nhân dịp Tết nguyên đán.	140
2	Phòng Tư pháp (kể cả kinh phí tư vấn, giúp việc tham gia các phiên tòa)	405
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch (kể cả kinh phí duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống TABMIS; Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định 50 triệu đồng)	920
4	Phòng Lao động – Thương binh và xã hội	732
5	Thanh tra (kể cả kinh phí trang phục của ngành: 30 triệu đồng)	521
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	968
7	Phòng Kinh tế	991
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo (Chi hành chính)	847
9	Phòng Quản lý đô thị	819
10	Phòng Y tế	253
11	Phòng Văn hoá và thông tin	191
12	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử HĐND các cấp	1.380
II	Chi hoạt động Đảng cộng sản Việt Nam (cấp thị xã)	8.924
1	Thị uỷ (Trong đó kinh phí Ban tự vệ cơ quan: 15 triệu đồng; Kinh phí mua sắm bàn ghế phòng họp Thị uỷ 200 triệu đồng)	5.899
2	Chi hoạt động ngoài định mức của Thị uỷ và Thường trực Thị uỷ	1.300
3	Chi phụ cấp trách nhiệm Thị uỷ viên	293
4	Kinh phí khen thưởng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh	53
5	Kinh phí thực hiện Quy định 963-QĐ/TU	1.150
6	Kinh phí mua Tạp chí Kiểm tra đảng và Dân vận cấp cho các chi, đảng bộ cơ sở	16

7	Kinh phí học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	70
8	Kinh phí phụ cấp báo cáo viên và Tổ nắm bắt dư luận xã hội (theo HD 167 của Ban Tuyên giáo Trung ương)	143
III	Ủy Ban Mặt trận và các Hội đoàn thể	4.480
1	UBMT Tổ Quốc Việt Nam thị xã: kể cả Kinh phí hoạt động theo QĐ 76/2013/QĐ-TTg, kinh phí sinh hoạt phí của UVUBMT theo QĐ số 33 của Thủ tướng Chính phủ; Kinh phí thực hiện QĐ 403 của UBND tỉnh; Kinh phí phục vụ các hoạt động quản lý sử dụng quỹ vì người nghèo; Kinh phí đón tiếp, kêu gọi các tổ chức cá nhân đến ủng hộ chăm sóc người nghèo và phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; Kinh phí thực hiện công tác giám sát phản biện xã hội của Mặt trận và các Hội đoàn thể (130 triệu đồng); kinh phí thực hiện cuộc vận động TĐKXDNTM và đô thị văn minh và các hoạt động khác của Mặt trận trong năm	1.248
2	Đoàn thanh niên: Kể cả kinh phí hoạt động của Hội LHTN Việt Nam thị xã, Đội TNTP Hồ Chí Minh thị xã và các hoạt động khác của Thị đoàn trong năm (trong đó kinh phí tổ chức các ngày kỷ niệm 80 triệu đồng)	1.124
3	Hội Phụ nữ: Kể cả kinh phí thực hiện các đề án 297, 938, 939 và các hoạt động khác của Hội trong năm (trong đó kinh phí tổ chức Đại hội 100 triệu đồng)	746
4	Hội Nông dân: Kể cả kinh phí tổ chức các hoạt động khác của Hội trong năm (trong đó bổ sung Quỹ hỗ trợ nông dân 100 triệu đồng)	910
5	Hội cựu chiến binh (Trong đó: Kể cả kinh phí chi phụ cấp Chủ tịch, Phó CT Hội cựu chiến binh các khối: UBND thị xã, Dân vận và các hoạt động khác của Hội trong năm)	452
IV	Chi hoạt động sự nghiệp	71.714
1	Phòng Văn hóa và thông tin	1.030
a	Kinh phí hoạt động của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo phong trào TĐKXDĐSVH	50
b	Kinh phí hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành	60
c	Kinh phí sửa chữa, nâng cấp các khu di tích: Chợ Chiều Giếng Thới (Phổ Khánh); Cắm Cây (Cây	800

	Phổ Phong); Núi Xương Rồng	
d	Kinh phí thực hiện đề án quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thị xã	120
2	Trung tâm TT-VH-TT	3.092
a	Chi hoạt động sự nghiệp Văn hóa thông tin	1.132
b	Kinh phí hoạt động của Nhà lưu niệm Nguyễn Nghiêm	60
c	Kinh phí hoạt động của Trung tâm văn hóa	115
d	Kinh phí hoạt động Quảng trường 8/10	70
d	Kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao (Trong đó kinh phí tổ chức ĐH TDTT 100 triệu đồng)	717
e	Kinh phí hoạt động sự nghiệp Truyền thông	998
3	Kinh phí sửa chữa Trung tâm văn hóa (gđ2)	800
4	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	2.059
5	Hội Chữ thập đỏ (Kể cả kinh phí tiếp đón các đoàn cứu trợ do đơn vị tiếp nhận và phục vụ phòng chống thiên tai)	415
6	Kinh phí hoạt động Ban chỉ huy PCLB và TKCN	130
7	Kinh phí hoạt động của Ban an toàn giao thông	300
8	Phòng Y tế (Kinh phí hoạt động của Ban An toàn thực phẩm cấp thị xã kể cả ngành nông nghiệp và thương mại)	300
9	Kinh phí lắp đặt thiết bị tập luyện thể thao và vui chơi ngoài trời	1.000
10	Kinh phí duy trì vận hành điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thị xã	4.000
11	Chi sự nghiệp giao thông	9.300
a	Kinh phí Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các tuyến đường thị xã quản lý	3.000
b	Hỗ trợ UBND phường Phổ Hòa Nâng cấp tuyến đường GTNT từ Bến Trâu nằm đi KDC số 5 An Thường	900
c	Hỗ trợ UBND xã Phổ Cường Nâng cấp tuyến đường GTNT Nga Mân - Xuân Thành (đoạn từ nhà ông Thắng đi kênh bơm N2-Liệt Sơn)	900
d	Hỗ trợ UBND xã Phổ Nhơn BTXM tuyến đường từ Cầu Suối Đục đi Dinh Bà	900
d	Hỗ trợ UBND phường Phổ Vinh Nâng cấp tuyến đường GTNT từ nhà ông Tùng đi nhà ông Chúng	900

	TDP Đông Thuận	
e	Hỗ trợ UBND phường Phổ Minh đề Nâng cấp tuyến đường từ đường Trần Hưng Đạo đi KDC Trường Sanh	900
f	Hỗ trợ UBND phường Nguyễn Nghiêm Nâng cấp tuyến đường từ đường Phạm Quang Ảnh đến quán Phúc Sinh và đoạn từ đường Hoàng Sa đi đường Phạm Hữu Nhật	900
g	Hỗ trợ UBND phường Phổ Ninh Nâng cấp tuyến đường từ Trường Mẫu giáo Mỹ Lộc đi nhà văn hóa An Trường	900
12	Chi sự nghiệp nông nghiệp, nông thôn	6.450
a	Kinh phí thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới (kể cả Kinh phí đối ứng ngân sách thị xã thực hiện công tác dồn điền đổi thửa; Kinh phí thực hiện đề án Nâng cao chất lượng giống bò thịt)	3.000
b	Kinh phí phòng chống dịch bệnh gia súc gia cầm	900
c	Kinh phí hỗ trợ UBND xã Phổ Khánh xây dựng Kè chống sạt lở cầu ông vân (gđ 3)	1.400
d	Hỗ trợ UBND xã Phổ Nhơn Kiên cố hóa Tuyến kênh Sở Hầu đi đồng Na Liên	800
e	Hạt Kiểm lâm thị xã (Kinh phí phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng)	350
13	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	4.913
14	Kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa theo ND 35, ND 62	6.485
a	Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân	3.285
b	Kinh phí hỗ trợ cho UBND các xã, phường duy tu, bảo dưỡng, xây dựng hệ thống kênh tưới phục vụ vùng sản xuất lúa	3.200
	UBND xã Phổ An: Hỗ trợ kinh phí kiên cố hóa tuyến kênh Gò Tân đi mương tiêu thôn Hội An I	800
	UBND phường Phổ Quang: Hỗ trợ kinh phí kiên cố hóa tuyến kênh Đồng Hóa đi Đồng Nà	800
	UBND phường Phổ Văn: Hỗ trợ kinh phí kiên cố hóa tuyến kênh N8.2 - ngõ Bà Hoa - Đập Bồi Văn Trường (gđ2)	800
	UBND phường Phổ Vinh: Hỗ trợ kinh phí Kiên cố hóa tuyến kênh gò ông Im - Đông Thuận Vinh 2	800
15	Kinh phí thực hiện đo đạc, cấp giấy CNQSD đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm	8.720

a	Kế hoạch sử dụng đất hàng năm; thống kê đất đai hàng năm	720
b	Kinh phí đo đạc lập hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSD đất (kể cả đất công ích, đất chưa sử dụng do UBND xã, phường quản lý)	4.000
c	Kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch	4.000
16	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã (Kinh phí phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất)	120
17	Chi sự nghiệp môi trường	3.600
a	Phòng Tài nguyên và môi trường: Kinh phí phục vụ công tác biển đảo, môi trường (kể cả kinh phí quan trắc môi trường)	600
b	Công an thị xã: Kinh phí hỗ trợ công tác phòng chống tội phạm về môi trường	100
c	Kinh phí xử lý môi trường	2.900
18	Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh	12.000
a	Kinh phí chi trả tiền chăm sóc cây xanh trên địa bàn thị xã	5.000
b	Kinh phí trồng mới cây xanh đô thị trên địa bàn thị xã	7.000
19	Kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến và trang thiết bị phục vụ hiện đại hóa hành chính	7.000
V	Chi công tác đảm bảo xã hội	42.049
1	Chi cứu tế thường xuyên (kể cả mua bảo hiểm y tế)	40.549
2	Chi công tác xã hội khác	1.500
VI	Chi công tác an ninh	1.350
1	Chi công tác trật tự an toàn xã hội bao gồm cả kinh phí phục vụ công tác tái hòa nhập cộng đồng, công tác thi hành án treo, cải tạo không giam giữ, công tác tha tù trước thời hạn có điều kiện, kinh phí hỗ trợ đề án tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật, người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn thị xã, kinh phí thực hiện Quyết định 1395 của tỉnh và kinh phí phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thị xã (kể cả kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác: 150 triệu đồng)	1.250
2	Kinh phí vận hành hệ thống giám sát giao thông đảm bảo an ninh trật tự và trật tự an toàn giao thông	100

VII	Chi công tác quốc phòng	1.390
1	Thị đội (kể cả kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác: 150 triệu đồng)	1.010
2	Phòng Y tế: Chi phục vụ công tác khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, kể cả kinh phí mua máy đo thị lực mắt.	380
VIII	Chi công tác thi đua khen thưởng của thị xã (giao Cơ quan Tổ chức - Nội vụ; không bao gồm chi khen thưởng công tác an ninh, quốc phòng)	600
IX	Chi thường xuyên khác	2.376
1	Chi đặt hàng các Hội thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao	1.166
2	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Trung tâm phục hồi chức năng của hội	300
3	Hỗ trợ hoạt động Đoàn biên phòng Sa Huỳnh	80
4	Hỗ trợ hoạt động Đoàn biên phòng Phổ Quang	70
5	Chi hỗ trợ hoạt động Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ	50
6	Chi công tác giáo dục phổ biến pháp luật và kinh phí chi phục vụ xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	250
7	Kinh phí xúc tiến kêu gọi đầu tư	250
8	Kinh phí hỗ trợ hoạt động Viện kiểm sát nhân dân	50
9	Kinh phí hỗ trợ hoạt động Chi cục Thi hành án dân sự (kể cả Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự 40 triệu đồng)	90
10	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Tòa án nhân dân (kể cả kinh phí hỗ trợ hoạt động của Hội thẩm nhân dân thị xã: 20 triệu đồng)	70
X	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong năm chưa bố trí dự toán đầu năm	4.600
XI	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề	209.853
1	Văn phòng thị xã	1.883
a	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của ngân sách thị xã (giao Cơ quan Tổ chức - Nội vụ)	900
b	Kinh phí hoạt động sự nghiệp của Ban Tuyên giáo Thị ủy (Kể cả kinh phí hoạt động của câu lạc bộ Nguyễn Nghiêm: 40 triệu đồng)	400
c	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ không chuyên trách tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Ban Tuyên giáo phối hợp các Hội đoàn thể tổ chức	583
2	Phòng Giáo dục và đào tạo	175.041
2.1	Kinh phí sự nghiệp giáo dục (kể cả kinh phí phục vụ đoàn công tác của thị xã đi thăm các đơn vị	165.033

	nhân ngày 20/11)	
2.2	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	2.981
2.3	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật	227
2.4	Kinh phí khen thưởng của ngành (giao Cơ quan Tổ chức - Nội vụ)	300
2.5	Kinh phí mua máy nước sạch RO và mua sắm trang thiết bị dạy học điện tử	6.500
3	Kinh phí sửa chữa, chống xuống cấp trường, lớp học các cấp học	30.000
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX	2.729
5	Kinh phí hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng	200
XII	Bổ sung nguồn vốn cho vay của ngân hàng chính sách xã hội thị xã	1.500
A.3	Dự phòng chi ngân sách cấp thị xã	11.095
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ, PHƯỜNG	118.676
I	Chi đầu tư từ nguồn thu quỹ đất	22.480
II	Chi thường xuyên	96.196
1	Chi quản lý hành chính	58.460
2	Chi sự nghiệp phát thanh	536
3	Chi sự nghiệp văn hóa - TT	2.130
4	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	643
5	Chi đảm bảo xã hội	2.564
6	Chi an ninh	3.587
7	Chi quốc phòng	1.563
8	Chi sự nghiệp kinh tế	5.671
9	Chi sự nghiệp môi trường	1.081
10	Chi thường xuyên khác	498
11	Kinh phí hỗ trợ các xã, phường thực hiện nhiệm vụ	8.000
12	Dự phòng chi ngân sách xã, phường	1.405
13	Kinh phí chúc thọ	1.243
14	Kinh phí hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, đội phó các Đội dân phòng theo Đề án xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định 59/2016/QĐ-UBND	815

15	Chi hỗ trợ các xã, phường mua sắm tài sản, sửa chữa Trụ sở làm việc	8.000
C	CÁC KHOẢN CHI THƯỜNG XUYÊN TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	4.997

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thị xã có trách nhiệm:

- Điều hành dự toán thu chi và phân bổ ngân sách theo quy định của Nhà nước. Khai thác và nuôi dưỡng nguồn thu, thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước. Chi đúng mục đích, đối tượng và thứ tự ưu tiên. Tăng cường tiết kiệm chi thường xuyên, tập trung chi đầu tư phát triển.

- Kinh phí chi thường xuyên phân bổ cho các địa phương, đơn vị theo Nghị quyết này chưa khấu trừ tiết kiệm 10% chi công việc bổ sung nguồn cải cách tiền lương.

- Căn cứ vào tiến độ thu nộp ngân sách để điều hành chi cho phù hợp. Trong trường hợp thu không đạt dự toán, Ủy ban nhân dân thị xã thống nhất với Thường trực HĐND thị xã điều chỉnh giảm chi một số khoản tương ứng.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thụ hưởng từ ngân sách cấp thị xã, cấp xã, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, có phát sinh các nguồn thu theo quy định, thì thủ trưởng cơ quan phải công khai, ghi chép sổ sách kế toán về thu - chi nguồn kinh phí này đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.


Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã khóa XI kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTHĐND, UBND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Thường trực Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- UBND, UBMTTQVN thị xã;
- Các Đại biểu HĐND thị xã;
- Các hội đoàn thể, phòng, đơn vị liên quan;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng thị xã;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Sáu